TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Tác
2. Bà Lý Thị Minh Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Văn Thuận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Trương Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H; sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Thôn Đ, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Sầm Văn T; sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Thôn Đ, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ). Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị H và anh Sầm Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/6/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do là do anh T thường xuyên uống rượu say không làm chủ bản thân nên nhiều lần chửi, đánh chị H, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm,

không tìm được tiếng nói chung. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Sằm Văn T có 02 con chung, con lớn tên là Sằm Thái D, sinh ngày 17/7/2002, con nhỏ tên là Sằm Yến N, sinh ngày 16/4/2013. Ly hôn đối với con lớn tên là Sằm Thái D đã trên 18 tuổi và phát triển khỏe mạnh, chị H không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn con nhỏ Sằm Yến N chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sằm Văn T biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị H, được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án và không hợp tác để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày rõ quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con với anh Sằm Văn T, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Sằn Văn T; Về con chung: Đối với con lớn tên là Sằm Thái D, sinh ngày 17/7/2002, hiện nay đã trên 18

tuổi và phát triển khỏe mạnh nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với con nhỏ tên là Sầm Yến N, sinh ngày 16/4/2013, đề nghị giao cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Sầm Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 22/8/2025 Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng do bị đơn anh Sầm Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa. Ngày 10/9/2025 Tòa án mở lại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Căn cứ đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Phạm Thị H và đối chiếu với các chứng cứ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Sầm Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên) ngày 24/6/2002 là hôn nhân hợp pháp. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình chung sống giữa vợ chồng chị H và anh T có mâu thuẫn trầm trọng. Kết quả xác minh đối với người thân trong gia đình của anh Tuyên và chính quyền địa phương nơi anh T và chị H chung sống thể hiện: Vợ chồng anh T và chị H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu say không làm chủ bản thân nên nhiều lần chửi, đánh chị H vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Quá trình

giải quyết vụ án chị H có quan điểm kiên quyết ly hôn với anh T, còn anh T được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản nêu quan điểm của mình cho Tòa án, thể hiện ý chí không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng và níu kéo cuộc hôn nhân này. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Sầm Văn T có 02 con chung, con lớn tên là Sầm Thái D, sinh ngày 17/7/2002, con nhỏ tên là Sầm Yến N, sinh ngày 16/4/2013. Đối với con lớn hiện nay đã trên 18 tuổi, phát triển khỏe mạnh, bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con nhỏ, Hội đồng xét xử xét thấy con chung Sầm Yến N có nguyện vọng muốn được chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và có đủ điều kiện nuôi con. Anh T được Tòa án triệu tập làm việc tuy nhiên không hợp tác và không có ý kiến về việc nuôi con. Do vậy, cần thiết giao con chung Sầm Yến N cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con và đúng quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Sầm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Sầm Yến N sinh ngày 16/4/2013 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Sằm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0000139 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên:
- VKS Khu vực 7 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

Triệu Văn Mẫn